

“NHÃN PHÁP” VÀ “TÂM PHÁP” TỨC “TÂM ÁN”

Chân lý vẫn tồn tại nơi các cứ điểm xuyên Hy Mã Lạp Sơn - Người ta không thể hiểu được Tôn giáo nếu các Biểu tượng của mọi Tôn giáo còn chưa bộc lộ các điều Bí mật Tối hậu của mình - “Nhân pháp” có nghĩa là các Giáo điều và Hình thức chấp nê vẫn tự - “Tâm pháp” là Chân pháp duy nhất - Người ta vẫn còn chưa thể tiếp cận được Giáo lý nội môn chân chính - Phật giáo Nội môn vẫn còn được bảo tồn - Bồ Đề Đạt Ma là tổ sư của Phật giáo Trung Quốc - Làm thế nào quán triệt được các điều Bí nhiệm của Nội môn Bí giáo.

TIẾT 51

“NHÃN PHÁP” VÀ “TÂM PHÁP” TỨC “TÂM ÁN”

Từ trang 406 đến trang 413

Giáo Lý Bí Truyền quyển 5

Giáo sư Albrecht Weber đã đúng khi ông tuyên bố rằng chỉ có Phật tử Bắc tông mới có trọn bộ kinh điển Phật giáo.

Đó là vì trong khi các Phật tử Nam tông không có ý niệm gì về một Giáo lý Bí truyền - được che giấu như một viên ngọc trai cuộn trong lớp vỏ của mọi tôn giáo - thì người Trung Quốc và người Tây Tạng đã bảo tồn được rất nhiều tư liệu và sự kiện này cho dù Giáo lý mà Đức Phật công khai giảng dạy ngày nay đã bị suy đồi, thế nhưng giáo lý của ngài vẫn được bảo tồn nơi những tu viện ở Trung Hoa mà du khách không thể tới được. Và mặc dù trong hơn 2.000 năm, mọi nhà “cải cách” đổi mới đều lấy bớt đi một phần nguyên bản và thay thế vào đó một số suy đoán của riêng mình, thì cho đến tận ngày nay chân lý vẫn còn bàng bạc trong đám quần chúng. Nhưng “Chánh pháp” Bí truyền tức là “Tâm ấn” vẫn tồn tại cho đến ngày nay dưới dạng trình nguyên ban sơ chỉ nơi những thành lũy xuyên Hi mã Lạp sơn - mà người ta gọi một cách đại khái là Tây Tạng - ở những địa điểm hẻo lánh nhất nơi vùng núi non sa mạc.

Emanuel Swedenborg đã sai lầm khi ông nhận xét về Linh từ đã bị thất truyền vào quên lãng từ lâu rồi:

Hãy tìm nó ở Trung Hoa may ra thì bạn có thể tìm thấy nó ở vùng Tartary Vĩ đại.

Ông bảo các độc giả rằng thông tin này ông thu được từ một vài “Chon linh”; các Chon linh này bảo cho ông biết rằng họ đã thực hành việc thờ cúng theo Linh từ đã thất truyền từ xa xưa này. Trong *Nữ thần Isis lộ diện*, người ta có nhận xét về điều này như sau:

trong trường hợp đặc biệt này, các môn sinh khác về Huyền bí học có nhiều hơn mức từ ngữ “chon linh” để làm thẩm quyền dựa vào đó: họ đã thấy những quyển sách

chứa đựng “Linh từ”.^[1] Có lẽ hồng danh của các Chơn linh tới viếng thăm nhà Thông Thiên Học người Thụy Điển vĩ đại này là hồng danh của Đông phương. Ta không thể coi thường hoặc bác bỏ là không trang trọng đối với lời nói của một người được thừa nhận là liêm khiết một cách không thể chối cãi, một người mà trình độ nhận thức về toán học, thiên văn học, khoa học tự nhiên và triết học vốn vượt xa tuổi tác của ông; trường hợp này khác hẳn khi ta xét phát biểu của một nhà Thông Thiên Học hiện đại; vả lại, ông rêu rao rằng mình có thể tùy ý chuyển sang cái trạng thái mà Chơn ngã hoàn toàn tách rời khỏi mọi giác quan của thể xác, sống và sinh hoạt trong một thế giới mà mọi bí mật của Thiên nhiên đều là một quyển sách mở ngổ trước mắt của Linh hồn.^[2] Đáng tiếc là hai phần ba tác phẩm công truyền của ông cũng có tính chất ẩn dụ theo một nghĩa nào đó; và vì người ta chấp nhận chúng theo nghĩa đen cho nên người ta cũng chẳng tha cho nhà Thấu thị Thụy Điển vĩ đại này những lời chỉ trích chẳng khác nào đối với các nhà Thấu thị khác.

Sau khi đã có một cái tổng quan về các Khoa học ẩn tàng và Pháp thuật cùng với các bậc Cao đồ ở Âu châu, giờ đây ta phải đề cập tới các Điểm đạo đồ Đông phương. Nếu chỉ mới giờ đây người ta bắt đầu nghi ngờ rằng trong các Thánh kinh ở phương Tây cũng có Nội môn Bí giáo, sau khi người ta đã tin tưởng mù quáng vào minh triết theo nghĩa đen của chúng trong gần hai ngàn năm, thì đối với các Thánh kinh của phương Đông cũng như vậy. Do đó, chừng nào mà các biểu tượng của mọi tôn giáo còn chưa tiết lộ những bí mật cuối cùng của chúng, thì người ta không thể nào hiểu nổi cả hệ thống Ấn giáo lẫn hệ thống Phật giáo nếu không có một chìa khóa và người ta cũng không thể nghiên cứu được tôn giáo đối chiếu giống như là một” khoa học”, cùng lắm thì việc nghiên cứu như thế chỉ mất thời giờ, chỉ là một trò cút bắt.

Dựa vào thẩm quyền của một *Bách khoa Từ điển* của Nhật Bản, Remusat cho thấy rằng trước khi nhập diệt, Đức Phật đã phó thác các bí mật trong hệ thống của mình cho đệ tử tên là Ca Diếp; chỉ có ông mới được phó thác việc duy trì mãi mãi linh thiêng cách thuyết giải Bí truyền. Ở Trung Quốc người ta gọi nó là “Chánh pháp nhãn tàng”. Đối với bất kỳ một môn sinh nào của Nội môn Bí giáo Phật học thì thuật ngữ “Nhãn tàng” ắt cho thấy rằng trong đó chẳng có Nội môn Bí giáo gì cả. Nếu thay vào đó là từ “Tâm” thì điều này có nghĩa là chỉ lúc bấy giờ nó mới đúng là danh bất hư truyền. “Nhãn pháp” có nghĩa là các dạng bám sát theo nghĩa đen và giáo điều, là những nghi thức của Giáo hội được dành cho những kẻ nào bằng lòng với những công thức công truyền. Còn “Tâm pháp” tức “Tâm ấn” mới là giáo pháp duy nhất chân thực. Ta thấy Huyền Trang đã chứng thực được cho điều này. Trong bản dịch *Ma ha Bát nhã Ba la mật đa (Đại Bát nhã kinh)* gồm 120 quyển, ông đã khẳng định rằng chính “đệ tử cung của Đức Phật là Ananda” - sau khi Đức Thế Tôn đã nhập Niết Bàn - được Ca Diếp giao phó cho việc phổ biến “Nhãn pháp”, còn Tâm pháp” chỉ dành cho các bậc La hán thôi.

Trong nhiều quyển sách viết về “Phật giáo Trung Quốc” của đủ thứ nhà truyền giáo, người ta đã chứng minh rõ ràng rằng sự khác nhau cốt yếu giữa hai giáo pháp

^[1] Sách đã dẫn, quyển II, trang 470.

^[2] Nếu người ta không có được thông tin chính xác và phương pháp đúng đắn thì cho dù các linh ảnh của ta có chính xác và chân thực trong cuộc sống Linh hồn đến đâu chẳng nữa, thì những linh ảnh đó cũng chẳng bao giờ được chụp ảnh lại trong ký ức của con người, và chắc chắn là một vài tế bào của bộ óc sẽ phá hoại trí nhớ của ta.

này (Tâm pháp và Nhãn pháp) thì Nhãn pháp là hình thức bên ngoài, Tâm pháp là ý nghĩa ẩn tàng bên trong; Nhãn pháp là siêu hình học lạnh lùng, còn Tâm pháp là Minh triết Thiên liêng.

Sau khi đã sống nhiều năm ở Trung Hoa các nhà truyền giáo chẳng còn biết được nhiều hơn mức họ đã học được từ các trường phái khoe khoang tự xưng mình là bí truyền, rồi tha hồ cung cấp những bản thảo được rêu rao là cổ truyền và các tác phẩm bí truyền cho những người công khai thù địch với đức tin của mình! Dường như là chẳng một sử gia phương Tây khả kính nào viết về các giáo điều bí mật của những dân tộc khác đã từng lưu ý tới sự mâu thuẫn tức cười này giữa lời rêu rao tự xưng và thực tế. Vậy là trong quyển *Phật giáo của Trung Hoa* đức Cha Joseph Edkins đã đề cập đến nhiều trường phái bí truyền; tác giả thành thật tin tưởng rằng ông đã nghiên cứu tỉ mỉ các giáo điều bí mật của các Phật tử mà các tác phẩm của họ mãi cho tới gần đây vẫn không ai có được nguyên bản. Nói ra thì có vẻ là nói quá, nếu ta bảo ngay rằng mãi cho tới nay kho tài liệu Bí truyền chân chính chưa ai rớ tới được. Nhà quý tộc khả kính vốn có cảm hứng khi phát biểu rằng:

... dường như là không có một giáo lý bí mật nào mà những người biết nó lại không phổ biến ra,

Nhà quý tộc này đã phạm một sai lầm lớn lao nếu ông tin rằng điều mà ông nói ở trang 161 trong tác phẩm của mình là đúng. Xin ông nên biết cho rằng tất cả “*những Ngữ lục* (Yü luh) của các đạo sư lừng danh” đều chỉ là những bức bình phong chẳng khác nào - nếu không muốn nói là còn hơn cả - những Ngữ lục trong kinh *Purānas* của người Bà la môn. Thật là vô ích nếu ta liệt kê ra một chuỗi dài vô tận những Đông phương học giả tài ba nhất, hoặc liệt kê ra những khảo cứu của Remusat, Burnouf, Koeppen, Thánh Hilaire, và Thánh Julien. Người ta tin rằng các ngài đã bộc lộ thế giới của Ấn Độ cổ xưa bằng cách tiết lộ những quyển sách bí mật và linh thiêng của Phật giáo: thật ra thế giới mà các ngài tiết lộ có bị che giấu đâu. Ta có thể xét đoán những lỗi lầm của mọi Đông phương học giả theo lỗi lầm của một trong những người được lòng dân nhất nếu không muốn nói là vĩ đại nhất - đó là Giáo sư Max Müller. Ta đề cập đến điều mà ông đã dịch một cách tức cười là “Thượng Đế Ai” (Ka) [God Who].

Các tác giả trong kinh *Brāhmanas* đã hoàn toàn cắt đứt với quá khứ nghĩa là đã quên đi tính cách thi vị của những thánh ca và lòng khao khát của các thi sĩ về Thượng Đế Huyền vi; họ đã đề cao đại từ nghi vấn thành ra một thần linh và thừa nhận Thần linh Ka (tức là Ai?). . . Bất cứ những câu nào có những câu thơ nghi vấn Ka là Prajāpati tức đáng Chúa tể sinh ra muôn loài. Họ cũng không dừng lại ở đây. Một số thánh ca có đại từ nghi vấn được gọi là Kadvat, nghĩa là có Kad hoặc Quid. Nhưng chẳng bao lâu sau người ta đã tạo ra một tính từ mới, chẳng những các thánh ca mà sự hiến tế cũng được dâng lên cho vị thần linh tên gọi là Kaya tức là “Thuộc về Ai” . . . Vào thời Pānini, từ này đã có được tính chính thống để chỉ một quy tắc riêng rẽ giải thích việc tạo lập nên nó. Ở đây nhà Bình luận giải thích Ka là Brahman.

Nếu nhà bình luận giải thích Nó ngay cả bằng Parabraman thì nhà bình luận ắt còn đúng hơn khi ông dịch Nó là “Brahman”. Người ta cũng chẳng hiểu tại sao bí mật và Hồng danh Bí nhiệm linh thiêng của Tinh thần tối thượng, phi giới tính, phi hình thể, Đẳng Tuyệt đối - Đẳng mà không ai dám xếp loại cùng với những thần linh đã

biểu hiện khác, hoặc thậm chí không dám gọi tên trong danh mục nguyên sơ của đền Vạn thần biểu tượng - lại không nên biểu diễn bằng một đại từ nghi vấn. Phải chăng đó là những người thuộc về tôn giáo nhân hình nhất trên thế giới, họ có quyền giao cho các triết gia thời xưa nhiệm vụ mà ngay cả những người cực đoan về tôn giáo cũng cảm thấy kiêng nể và sợ sệt?

Nhưng bây giờ ta lại quan tâm đến Phật giáo. Tác giả San-Kian-yi-su đã trình bày Nội môn Bí giáo và huấn điều khẩu truyền của Phật giáo; những thủ lĩnh cao siêu nhất trong các trường Nội môn Bí giáo chân chính đã viết ra và bảo tồn điều giáo huấn này trong những bản sao chép đơn giản. Khi đối chiếu Bồ đề Đạt ma với Đức Phật ông tuyên bố như sau:

“Nhu Lai” (*Tathāgata*) dạy các chân lý lớn lao và nguyên nhân của vạn vật. Ngài đã thành Thiên nhân chi Đạo sư. Ngài đã cứu độ vô số người và đã tuyên đọc hơn năm trăm nội dung của tác phẩm. Vì thế cho nên mới có *Kiau-men* tức là nhánh công truyền của hệ thống và người ta tin rằng nó là truyền thống về những lời mà Đức Phật dạy. Bồ đề đạt ma mang “ấn tín sự thật” từ cõi Tây phương [Shamballa] xuống và mở ra nguồn suối nhập định ở Đông phương. Ngài trực chỉ bản chất và Phật tâm, quét sạch đi những điều ngoại lai ăn bám vào giáo huấn trong sách vở và thế là ngài đã lập nên *Tsung-men* tức là nhánh bí truyền của hệ thống bao gồm truyền thuyết về *tâm* của Phật. . . ^[1]

Một vài nhận xét của tác giả *Phật giáo Trung Quốc* đã soi sáng rất nhiều cho những quan niệm sai lầm mà các Đông phương học giả nói chung hay mắc phải, nhất là các nhà truyền giáo ở “các xứ ngoại đạo”. Chúng khơi dậy trực giác của các nhà Thông Thiên Học - nhất là của các nhà Thông Thiên Học ở Ấn Độ. Những câu mà ta cần lưu ý được in bằng chữ nghiêng.

Từ ngữ chung bằng tiếng Trung Quốc dành cho các trường bí giáo là *dan*, tiếng Bắc phạn là *Dhyāna* . . . Ở Trung Quốc, Phật giáo chính thống đã dần dần và đều đều trở thành *phi chính thống*. Phật giáo của sách vở và truyền thuyết từ xưa đã trở thành *Phật giáo của sự nhập định thần bí* . . . Chỉ bây giờ người ta mới khôi phục lại có một phần lịch sử của các trường cổ truyền đã bắt nguồn từ lâu lắm rồi trong các cộng đồng Phật giáo Ấn Độ. Có thể là Trung Quốc đã soi rọi trở lại một tia sáng nào đó cho lịch sử tôn giáo ở xứ sở phát nguyên ra Phật giáo. ^[2] Việc trợ giúp cho sự phục hồi tri thức đã bị thất truyền này rất có thể là tồn tại nơi các bản tường thuật của các vị tổ sư hơn bất cứ phần nào khác trong câu chuyện, Đức Bồ đề đạt ma đã hoàn chỉnh đường lối của các vị tổ sư này. Khi ta tìm cách giải thích kiểu tường thuật của Trung Hoa và Nhật Bản về các vị tổ sư cùng với *bảy vị Phật* mà người cuối cùng là

^[1] *Phật giáo Trung Quốc*, trang 158. Đức Cha Joseph Edkins hoặc là không biết hoặc là - điều này còn rất có thể hơn nữa - hoàn toàn không biết sự tồn tại thật sự của những trường phái như thế và chỉ xét đoán theo những điều trá ngụy các trường phái này ở Trung Quốc và gọi Nội môn Bí giáo như thế là “Phật giáo không chính thống”. Theo một nghĩa nào đó thì đúng là như vậy.

^[2] Xứ sở đó (Ấn Độ) đã đánh mất những dữ liệu về những Trường ấy cùng với các giáo lý của các trường này chỉ khi ta xét về công chúng, nhất là các Đông phương học giả người Âu Tây không nhạy bén. Ấn Độ đã bảo tồn trọn vẹn được những dữ liệu này nơi một vài Mathams (tức là nơi trú ẩn để người ta nhập định thần bí). Nhưng có lẽ tốt hơn ta nên tìm kiếm những dữ liệu này nơi những người thật sự là chủ của nó, cái gọi là các bậc Cao đồ “thần thoại” hay là các Mahātmās.

Đức Phật Thích Ca mâu ni thì ta cũng nên biết truyền thuyết của đạo Jain vào khoảng đầu thế kỷ thứ 6 sau Công nguyên khi Tổ sư Bồ đề đạt ma đã đến Trung Quốc . . .

Khi dõi theo nguồn gốc phát sinh ra nhiều trường phái Phật giáo bí truyền ta phải nhớ rằng tất cả các trường phái này đều có một nguyên tắc giống giống như giáo điều về sự kế tục của các tông đồ. Tất cả các trường phái này đều tự cho là *giáo pháp của mình được truyền thừa qua hàng loạt các vị đạo sư, mỗi vị đạo sư đều được vị tiền bối của mình đích thân giáo huấn, mãi cho tới thời Bồ đề đạt ma và còn xa xưa hơn nữa mãi cho tới thời Đức Phật Thích Ca mâu ni và các Đức Phật xa xưa hơn.* ^[1]

Hơn nữa, người ta còn phàn nàn và coi là đã thoát ly khỏi Phật giáo chính thống khi thấy Hoàng đế đã tiếp kiến các vị Lạt ma Tây Tạng ở Bắc Kinh một cách cực kỳ kính trọng.

Các đoạn sau đây rút ra từ nhiều phần khác nhau trong quyển sách đã tóm tắt các quan điểm của ông Edkins:

Ở gần các đền thờ lớn của Phật giáo người ta ít khi gặp các ần sĩ . . . Các vị ần sĩ này được phép để tóc dài mà không cạo đi . . . Người ta bác bỏ giáo lý về sự chuyển kiếp. Phật giáo là một dạng Phiếm thần thuyết dựa trên sự việc là giáo lý về sự chuyển kiếp khiến cho trọn cả thiên nhiên đều thấm nhuần sự sống và với sự sống đó thì đấng Thiêng liêng đã khoác lấy nhiều dạng phạm ngã khác nhau; đấng Thiêng liêng đó không phải là một Nguyên nhân Tự tại, tự tri, tự tung tự tác, mà là một Chơn linh thấm nhuần vạn vật. Các Phật tử bí truyền của Trung Quốc vì tuân theo giáo lý duy nhất của mình ^[2] cho nên chẳng đề cập gì tới sự chuyển kiếp . . . hoặc bất kỳ điều nào khác trong các bộ phận có tính chất vật chất hơn thuộc về hệ thống Phật giáo . . . Tây phương Cực lạc mà người ta hứa hẹn cho những tín đồ tôn sùng Đức Phật A Di Đà . . . lại không khớp với giáo lý về Niết Bàn ^[?] ^[3] . . . Nó hứa hẹn sự bất tử thay vì là sự hủy diệt. Trường phái này rõ ràng là đã rất xưa rồi từ ngay thời kỳ đầu khi kinh A Di Đà được dịch ra do ngài Cưu ma la thập chấp bút, còn kinh Vô Lượng Thọ đã có từ thời triều Hán. Ta thấy tầm ảnh hưởng của nó nơi việc người Tây Tạng và người Mông Cổ rất tha thiết việc thờ phụng Đức Phật này; sự thật là ở Trung Quốc người ta thường nghe nói tới hồng danh của nhân vật hư cấu ^[?] này, hơn là hồng danh của Đức Phật lịch sử Thích Ca mâu ni.

Chúng tôi e rằng tác giả trí thức này đã đi sai đường khi xét về Niết Bàn và Đức Phật A Di Đà. Tuy nhiên ở đây chúng tôi có bằng chứng của một nhà truyền giáo cho

^[1] *Phật Giáo Trung Quốc*, trang 155-159.

^[2] Họ chắc chắn là bác bỏ một cách quyết liệt nhất cái thuyết bình dân về sự chuyển đi các thực thể hoặc Linh hồn người nhập vào con thú, nhưng họ không bác bỏ sự tiến hóa của loài người từ loài thú tiến lên - ít ra là xét về các nguyên khí hạ đẳng.

^[3] Trái lại nó hoàn toàn khớp khi được giải thích dưới ánh sáng của Giáo lý Bí truyền. “Tây phương cực lạc” không phải là một điều hư cấu tọa lạc trong một không gian siêu việt. Nó đích thật là một địa điểm ở trên vùng núi hoặc nói chính xác hơn là một nơi bị bao quanh bởi sa mạc trong vùng núi. Vì thế cho nên nó được dành riêng làm chỗ trú ngụ cho các môn sinh Minh triết Bí truyền (các đệ tử của Đức Phật) nào đã đạt tới quả vị La hán và A-na-hàm (tức là các Cao đồ). Nó được gọi là “Tây phương” chỉ vì xét theo địa lý; còn núi thiếc vì vây quanh địa ngục A tỳ và bảy Lokas vây quanh Tây phương Cực lạc là sự biểu hiện cực kỳ chính xác về những địa điểm và những sự vật mà môn sinh Huyền bí học Đông phương đều thừa biết.

thấy rằng ở Thiên quốc có nhiều trường phái Phật giáo Bí truyền. Khi việc lạm dụng các kinh điển Phật giáo chính thống theo giáo điều đã đạt tới cực điểm và tinh thần chân chính trong triết thuyết của Đức Phật gần như đã bị thất truyền, thì nhiều nhà cải cách lại từ Ấn Độ đến để xác lập một giáo lý khẩu truyền. Chẳng hạn như là Bồ đề đạt ma và Ngài Long Thọ Bồ Tát. Đây là tác giả của những tác phẩm quan trọng nhất của trường phái Nhập định Trung Quốc những thế kỷ đầu tiên của Công nguyên. Và lại trong Phật Giáo Trung Quốc có nói rằng người ta biết Đức Bồ đề đạt ma đã trở thành người chủ yếu sáng lập nên các Trường Bí giáo, các trường này được chia thành năm nhóm chính. Các dữ liệu được trình bày cũng đủ chính xác rồi, nhưng mọi kết luận (không sót một kết luận nào) đều sai lầm. Trong *Nữ thần Isis lộ diện*^[1] có nói rằng:

Đức Phật giảng dạy giáo lý về một kiếp sống mới cũng giản dị như Chúa Giêsu. Vì muốn ly khai với các Bí pháp cổ truyền (đám quần chúng vô minh không thể được nhập vào cái bí pháp này), nhà cải cách Ấn Độ đã nêu rõ tư tưởng của ngài qua nhiều đoạn văn, mặc dù ngài thường không đề cập tới một số giáo điều bí nhiệm. Vậy là ngài dạy như sau: “*Một số người lại được sinh ra; những kẻ làm điều ác phải đọa Địa ngục [A tỳ], những người công chính được lên Thiên đàng [Devachan], những người không còn mọi ham muốn thế gian sẽ nhập Niết Bàn*”. (*Pháp cú kinh*, phần v, trang 126). Đức Phật còn nêu rõ ở đâu đó rằng tốt hơn là ta nên tin vào một cuộc sống ở tương lai, trong đó ta có thể cảm thấy hạnh phúc hay đau khổ; đó là vì nếu tâm hồn ta tin tưởng vào điều này thì nó sẽ từ bỏ tội lỗi và hành động một cách có đức hạnh; và cho dù không có sự phục sinh [sự tái sinh] thì một sự sống như thế cũng mang lại tiếng tốt và phần thưởng cho con người. Nhưng còn những kẻ nào tin tưởng rằng chết là hết sẽ không ngần ngại phạm bất kỳ tội lỗi nào mà mình thích vì họ đâu có tin gì vào một kiếp sống ở tương lai.” (Xem *Pháp Luân*)

Thế thì tại sao sự bất tử “không khớp với giáo lý về Niết Bàn?” Câu nêu trên chỉ là một trong những tư tưởng Đức Phật đã công khai với các vị La hán mà ngài tuyển chọn; Đức Thế Tôn còn nói nhiều hơn nữa. Có một lời bình phẩm về những quan niệm sai lầm mà các Đông phương học giả đã mắc phải trong thế kỷ này, “họ hoài công thử ra sức đào sâu thăm dò tư tưởng của Đức Phật Như Lai”, còn những quan điểm sai lầm của người Bà la môn, “mãi cho đến tận ngày nay họ vẫn còn chối bỏ bậc đại Đạo sư”; sau đây là một số tư tưởng độc đáo có liên quan tới Đức Phật và việc nghiên cứu các Khoa học Bí truyền. Chúng được trích ra từ một tác phẩm do một người Tây Tạng viết bằng chữ Trung hoa, và công bố trong một tu viện ở núi Thiên thai để lưu hành trong giới Phật tử

các Phật tử này sống ở ngoại quốc và có nguy cơ bị các nhà truyền giáo đầu độc tư tưởng,

tác giả thành thật nói như vậy; mọi người bị cải đạo chẳng những “bị đầu độc” tư tưởng về tín điều của mình mà đáng tiếc là còn phải chấp nhận Kitô giáo nữa. Bây giờ ta trình bày một vài đoạn của bản dịch được rút ra từ tác phẩm đó để dành cho những tác phẩm hiện tại.

^[1] Quyển II, trang 566.

Không một tai phàm nào đã từng nghe nói tới Chau-yan [các điều giáo huấn bí nhiệm có tính cách khai sáng] đại hùng của Vô vị Chơn non [Đức Phật *bên trong* Đức Phật],^[1] về Đức Thế Tôn và Đức Bồ Tát, thế thì làm sao người ta biết tư tưởng của ngài thật sự là gì? Đấng Sang-gyas-Panchhen^[2] chẳng bao giờ soi sáng về *Thực tại Duy nhất* cho các Tỳ khưu chưa được cải đạo (chưa được điểm đạo). Ngay cả trong đám các Tu-fong [những người Tây Tạng] cũng ít ai biết được nó; còn về phần các trường phái Tsung-men^[3] thì chúng càng ngày càng xuống dốc . . . Thậm chí Pháp tướng tông [Fa-siong-Tsung]^[4] cũng chẳng thể nào giúp cho ta học được minh triết về Naljor-chod-pa [tiếng Bắc phạn là Yogacharya]^[5] chân thực . . . Tất cả đều là “Nhãn” pháp chớ chẳng có gì hơn nữa. Vì Chơn sư [Tch'-an-si] về tham thiền nội tâm [tức là sự nhập định tham chiếu bản ngã tức Tchung-kwan] đã trở nên hiêm hoi và Chánh pháp bị thay thế bằng sự tôn thờ ngẫu tượng (Siang-kyan) cho nên người ta mới cảm thấy là không còn được dẫn dắt mà tu tập nữa. Những người mọi rợ (tức những người phương Tây) đã từng nghe nói tới sự tôn thờ ngẫu tượng hoặc ảnh tượng này mà chẳng biết gì về Bas-pa-Dharma (Mật pháp). Tại sao chân lý lại phải bị che giấu giống như con rùa rút vào trong cái mai của nó? Đó là vì ngày nay người ta thấy nó đã trở nên giống như con dao thí phát của vị Lạt ma^[6], một vũ khí quá nguy hiểm cho nên ngay cả người Đệ tử cũng không dùng được. Vì thế người ta không thể giao phó tri thức (Khoa học Bí truyền) cho bất kỳ ai trước khi đứng lúc. Chagna-Thog-mad đã trở nên hiêm hoi và những vị ưu tú nhất đã rút về ẩn dật ở Cung trời Đâu-suất.^[7]

Hơn nữa, một con người tìm cách quán triệt được các bí nhiệm của Nội môn Bí giáo trước khi một Chơn sư (Tch'-an-si) điểm đạo tuyên bố rằng y đã sẵn sàng tiếp nhận những bí nhiệm này, ắt giống như

[1] Từ ngữ này được các Đông phương học giả dịch là “con người chân thật không có địa vị” (?). Thật là quá sai lầm. Nó chỉ có nghĩa là Chơn non tức Chơn ngã. Còn “Đức Phật *bên trong* Đức Phật” có nghĩa có một Đức Phật Thích Ca ở *bên trong* cũng như *bên ngoài*.

[2] Là một trong các tước hiệu của Đức Phật Thích Ca ở Tây Tạng.

[3] Tức là các trường phái Phật giáo Bí truyền; ở Trung Quốc có nhiều trường phái này.

[4] Trường phái nhập định do nhà thỉnh kinh Huyền Trang sáng lập, gần như là đã thất truyền. Pháp tướng tông có nghĩa là “trường phái tiết lộ bản chất bên trong của mọi sự vật”.

[5] Tức giáo lý Bí truyền hoặc ẩn tàng của Yoga (tiếng Trung hoa là Yo-ga-mi-kian).

[6] “Con dao thí phát” được làm bằng sắt ở *các thiên thạch* và được dùng để cắt đi “lọn tóc thế nguyện”, tức là tóc ở trên đầu của kẻ sơ cơ khi y được truyền chức lần đầu tiên. Nó có một lưỡi dao mà hai cạnh đều bén hết, sắc như dao cạo và được cất giấu bên trong một cái cán rỗng bằng sừng. Khi ta chạm tới một sợi dây lò xo thì lưỡi dao sẽ phóng ra như một tia chớp và rút lại cũng nhanh như vậy, ta cần phải hết sức khéo léo mới dùng được nó mà không làm tổn thương cái đầu của các Gelung và Gelung-ma còn non trẻ (tức là các ứng viên để trở thành các tu sĩ nam và nữ) trong khi cử hành các nghi thức sơ bộ diễn ra công khai.

[7] Chagpa-Thog-mad là tên bằng tiếng Tây Tạng của ngài Vô Trước, người sáng lập ra trường phái Yogacharya tức là Naljor-chod-pa. Nghe nói vị thánh hiền được Điểm đạo này đã được chính Đức Phật Di Lạc (Đức Phật của giống dân thứ sáu) dạy cho “Minh triết” ở Cung trời Đâu-suất (cõi trời do ngài chủ trì), ngài Vô Trước đã được Đức Di Lạc trao truyền cho năm quyển sách *Champaitechos-nga*. Tuy nhiên Giáo lý Bí truyền dạy rằng Ngài từ Dejung (tức Shambhalla) giáng xuống; Shambhalla được một số nhà Đông phương học gọi là “cội nguồn của hạnh phúc” (“đạt được minh triết”) và họ bảo rằng đó là một nơi chốn “thần thoại”.

người không mang theo ngọn đèn lồng mà trong đêm đen tối mịt lại dám đi tới một nơi đầy những con bò cạp quyết tâm tìm cho ra một cây kim mà người láng giềng đã bỏ rơi trên mặt đất.

Lại nữa:

Kẻ nào muốn có được Tri thức Linh thiêng thì trước khi muốn đi xa hơn phải “*chỉnh đốn lại ngọn đèn* tri giác nội tâm của mình, để rồi nhờ vào ánh sáng tốt đẹp như thế mà dùng những hành vi phước đức của mình làm một tấm khăn lau, lau sạch cái gương thần bí của mình^[1], khiến cho y có thể thấy được sự phản chiếu trung thực Chơn ngã của mình nơi ánh sáng bóng của chiếc gương . . . Trước hết là làm như vậy, rồi tới Tong-pa-nya^[2] và cuối cùng là Tam muội tam bồ đề^[3] Sammā Sambuddha.

Trong *Phật Giáo Trung Quốc* ta thấy có sự chứng thực cho những phát biểu này nơi những câu cách ngôn của Lin-tsi.

Bên trong cơ thể vốn nhận ra các cảm giác, thu thập kiến thức, suy tư và hành động có *Vô vị Chơn nhơn*. Ngài lộ ra rất là rõ ràng; không có một cái lớp vỏ mỏng manh nào che khuất ngài cả. Thế thì tại sao bạn lại không nhận ra ngài được? . . . Nếu tâm trí không tồn tại một cách hữu thức thì ở đâu cũng có sự giải thoát . . . Đức Phật là gì? Đáp: Là một tâm trí thanh tịnh và cực lạc. Pháp là gì? Đáp: Là một tâm trí trong sáng và giác ngộ. Đạo là gì? Đáp: Ở bất cứ nơi đâu đều vô ngại và thanh tịnh giác ngộ. Cả ba đều là một.^[4]

Vị tác giả tôn kính của *Phật giáo Trung Quốc* đã khôi hài về biểu tượng trong hệ thống Phật giáo. Thế nhưng những “cái tát vào má” và những “cú đâm vào be sườn” mà người ta tự chuốc lấy cho mình cũng có phần tương ứng nơi sự hành xác và sự dùng roi tự hành hạ mình (giới luật theo kiểu roi vọt) của các tu sĩ Kitô giáo, từ những thế kỷ đầu tiên của Kitô giáo cho mãi đến tận ngày nay. Nhưng thế thì chẳng hóa ra tác

^[1] Tuy nhiên xin nhắc đọc giả nhớ cho sự kiện “cái gương” là một phần hệ thống biểu tượng Thesmophoria, một phần của Bí pháp Eleusinia và người ta dùng cái gương để tìm kiếm Atmu, “Đấng Ẩn tàng” tức “Chơn ngã”. Trong tài liệu tuyệt vời về những bí pháp nêu trên, Tiến sĩ Alexander Wilder ở New York, nói rằng: “Mặc dù Herodotus và những người khác quả quyết rằng các Bí pháp Bacchus vốn thuộc về Ai Cập, nhưng rất có thể là thoát kỳ thủy chúng xuất phát từ Ấn Độ và thuộc về phái thờ Shiva hay thờ Đức Phật. Kore-Persephoneia chẳng qua là nữ thần Parasu-pani tức là Bhavāni từ Zagreus tới, Chakara là một xứ trải dài từ đại dương này sang đại dương khác. Nếu đây là một câu chuyện của người Turania thì ta có thể dễ dàng nhận ra những ‘cái sừng’ là mặt trăng hình vành khuyên mà các tu sĩ Lạt ma mang trên người, và ta giả sử rằng toàn bộ truyện thần thoại (chuyện ngụ ngôn về Dionysus-Zagreus) vốn dựa vào sự truyền thừa và sự chuyển di các Lạt ma . . . Toàn thể câu chuyện về Orpheus . . . đều mang sắc thái Ấn Độ”. Câu chuyện về “sự chuyển di và truyền thừa các Lạt ma” không bắt nguồn từ các vị Lạt ma (các vị Lạt ma chỉ mới có vào thế kỷ thứ bảy) mà bắt nguồn từ người Chaldea và Bà la môn còn tồn tại xa xưa hơn nữa.

^[2] Trạng thái hoàn toàn giải thoát khỏi bất kỳ tội lỗi và ham muốn nào.

^[3] Trạng thái trong đó một Cao đồ thấy một chuỗi dài dằng dặc các cuộc sống đã qua của mình và sống trở lại qua mọi kiếp trước trong thế giới này và những thế giới khác (Xem sự mô tả tuyệt vời trong *Ánh đạo phương Đông*, quyển sáu.

^[4] Chương VII, trang 163-164.

giả nêu trên là người theo Tin Lành, ông dùng nếp sống đức hạnh và thiện nghi để thay thế cho sự hành xác và giới luật. Người ta chế nhạo câu sau đây của Lin-tsi:

“Vô vị Chơn nhơn” [*Wu-wei-chen-jen*] cuộn mình trong một cái vỏ lờm chờm gai giống như là quả sồi. Không ai đến gần ngài được. Đây là Đức Phật, Đức Phật bên trong các bạn . . .

Thật vậy:

Một đứa trẻ không thể nào hiểu được bảy câu đó! ^[1].

^[1] Như trên, trang 164.